

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HS-PT
Ngày: 02 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Nguyễn Thị An Tiên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLPT-HS, ngày 22 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo: Phạm Thảo P; do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST, ngày 15 tháng 02 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Thảo P**, sinh năm 1982, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện tại: khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: thợ uốn tóc; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công T và bà Phan Thị Yến X, có chồng là Đinh Hoàng P1 (đã chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 29/3/2022, đến ngày 13/10/2022 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bùi Yên N, sinh năm 1999; cư trú tại: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
2. Đỗ Thị Hồng N1, sinh năm 1988; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
3. Huỳnh Thị N2, sinh năm 1967; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
4. Lê Nguyên K, sinh năm 1970; cư trú tại: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
5. Lê Thị Kim T1, sinh năm 1974; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
6. Lê Thị T2, sinh năm 1952; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
7. Mai Thị L, sinh năm 1965; cư trú tại: khu phố B, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
8. Nguyễn Bạch Mai T3, sinh năm 1973; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
9. Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1969; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
10. Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1960; cư trú tại: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
11. Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1973; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
12. Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1987; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
13. Nguyễn Thị N3, sinh năm 1948; cư trú tại: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
14. Nguyễn Thị P2, sinh năm 1971; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
15. Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1969; cư trú tại: ấp C, xã Đ, C, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
16. Nguyễn Thị Thanh X1, sinh năm 1955; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.
17. Nguyễn Thị Thu T6, sinh năm 1982; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
18. Nguyễn Thị T7, sinh năm 1972; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
19. Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1961; cư trú tại: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

20. Nguyễn Thụy Hồng N4, sinh năm 1987; cư trú tại: khu phố E, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

21. Nguyễn Vô T8, sinh năm 1990; cư trú tại: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

22. Phạm Ngọc H2, sinh năm 1987; cư trú tại: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

23. Phạm Thị Ngọc K1, sinh năm 1954; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

24. Trần Thị Hồng N5, sinh năm 1985; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

25. Trần Thị N6, sinh năm 1998; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

26. Trương Thị Trâm A, sinh năm 1996; cư trú tại: khu phố D, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

27. Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1974; cư trú tại: khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

28. Võ Thị Kim C, sinh năm 1967; cư trú tại: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2000, Phạm Thảo P bắt đầu đứng ra tổ chức góp hội để hưởng hoa hồng. Đến khoảng cuối năm 2019, P mất khả năng thanh toán tiền hội và nhận thấy tâm lý các hội viên thường nuôi hội, ít tham gia khai hội nên P dùng thủ đoạn gian dối tự ý ghi thêm tên hội viên để lĩnh hội mà không được hội viên đồng ý nhằm chiếm đoạt tiền để sử dụng tiêu xài cá nhân. Đến tháng 11 năm 2020, do không còn khả năng đăng hội cho các hội viên nên P tuyên bố vỡ hội. Tại thời điểm vỡ hội, còn 07 dây hội đang hoạt động.

Căn cứ vào sổ hội của Phạm Thảo P, giấy hội có ghi chép tiền khai hội mỗi kỳ của các hội viên, đã thống kê được hoạt động của 07 dây hội, xác định P dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 334.160.000 đồng; 06 dây hội, cụ thể như sau:

1. Dây hội 2.000.000 đồng khai ngày 09/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 11/7/2019 dương lịch) (BL số: 441).

Dây hội có 23 phần, gồm 21 hội viên tham gia. Tính đến thời điểm vỡ hội, dây hội đã khai được 19 kỳ, có 15 hội viên thực lĩnh 16 phần; P thực lĩnh 01 phần và mượn lĩnh 02 phần. P tự ý lấy tên hội viên lĩnh 01 phần hội tại kỳ thứ 7 để chiếm đoạt tổng số tiền 7.500.000 đồng của 04 hội viên, có 05 phần hội chưa được lĩnh, gồm:

+ Nguyễn Ngọc B, Huỳnh Thị N2, Nguyễn Thị Tuyết M, mỗi người 01 phần hụi 1.500.000 đồng;

+ Lê Thị T2 02 phần hụi 3.000.000 đồng.

2. Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 09/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 11/7/2019 dương lịch).

Dây hụi có 23 phần, gồm 15 hụi viên tham gia. Tính đến thời điểm vỡ hụi, dây hụi đã khai được 19 kỳ, có 10 hụi viên thực lĩnh 10 phần; P thực lĩnh 02 phần và mượn lĩnh 02 phần. P tự ý lấy tên hụi viên lĩnh 05 phần hụi tại các kỳ thứ 4, 5, 7, 8, 14 để chiếm đoạt tổng số tiền 60.000.000 đồng của 06 hụi viên, có 08 phần hụi chưa được lĩnh, gồm:

+ Lê Thị T2, Nguyễn Thị Thu T6, Đỗ Thị Hồng N1, Nguyễn Ngọc B, mỗi người một phần hụi 7.500.000 đồng;

+ Nguyễn Thụy Hồng N4, Nguyễn Thị Thanh X1, mỗi người 02 phần hụi 15.000.000 đồng.

3. Dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 25/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 27/7/2019 dương lịch).

Dây hụi có 27 phần, gồm: 13 hụi viên tham gia. Tính đến thời điểm vỡ hụi, dây hụi đã khai được 19 kỳ, có 07 hụi viên thực lĩnh 10 phần; P thực lĩnh 03 phần. P tự ý lấy tên hụi viên lĩnh 06 phần hụi tại các kỳ 4, 6, 14, 15, 16, 19 để chiếm đoạt tổng số tiền 60.560.000 đồng của 08 hụi viên, có 14 phần hụi chưa được lĩnh, gồm:

+ Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Vô T8, Nguyễn Thị Kiều H, mỗi người một phần hụi 4.370.000 đồng;

+ Nguyễn Thị Thanh T5, Phạm Thị Ngọc K1, Nguyễn Thị Tuyết M, mỗi người 02 phần hụi 8.740.000 đồng;

+ Đỗ Thị Hồng N1 04 phần hụi 17.480.000 đồng;

+ Trần Thị Hồng N5 01 phần hụi 3.750.000 đồng.

4. Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 12/01/2020 âm lịch (nhằm ngày 05/02/2020 dương lịch).

Dây hụi có 23 phần gồm 13 hụi viên tham gia. Tính đến thời điểm vỡ hụi, dây hụi đã khai được 12 kỳ, có 04 hụi viên thực lĩnh 05 phần; P thực lĩnh 01 phần và mượn lĩnh 05 phần. P tự ý lấy tên hụi viên lĩnh 01 phần hụi tại kỳ thứ 9 để chiếm đoạt tổng số tiền 17.400.000 đồng của 8 hụi viên, có 12 phần hụi chưa được lĩnh, gồm:

+ Trần Thị Hồng N5, Trương Thị Trâm A, Trần Thị N6, Lê Thị T2, Nguyễn Thị P2, Nguyễn Thị T7, mỗi người 01 phần hụi 1.450.000 đồng;

+ Nguyễn Thanh T4 04 phần hụi 5.800.000 đồng;

+ Nguyễn Vô T8 02 phần hụi 2.900.000 đồng.

5. Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi nửa tháng khai một lần vào ngày 01/4/2020 và ngày 15/4/2020 âm lịch (nhằm 23/4/2020 và ngày 07/5/2020 dương lịch).

Dây hụi có 25 phần, gồm 16 hụi viên tham gia. Tính đến thời điểm vỡ hụi, dây hụi đã khui được 17 kỳ, có 07 hụi viên thực lĩnh 10 phần và P thực lĩnh 02 phần. P tự ý lấy tên hụi viên lĩnh 05 phần hụi tại các kỳ 5, 6, 8, 14, 16 để chiếm đoạt tổng số tiền 50.700.000 đồng của 09 hụi viên, có 13 phần hụi chưa được lĩnh, gồm:

+ Võ Thị Kim C, Phạm Ngọc H2, Lê Thị Kim T1, Huỳnh Thị N2, Nguyễn Bạch Mai T3, mỗi người 01 phần hụi 3.900.000 đồng;

+ Lê Thị T2, Trần Thị Hồng N5, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Thị N3, mỗi người 02 phần hụi 7.800.000 đồng.

6. Dây hụi 2.000.000 đồng, khui vào ngày 06/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 26/7/2020 dương lịch).

Dây hụi có 25 phần, gồm 11 hụi viên tham gia. Tính đến thời điểm vỡ hụi, dây hụi đã khui được 06 kỳ, P thực lĩnh 02 phần. P tự ý lấy tên hụi viên lĩnh 04 phần hụi tại các kỳ 1, 2, 3, 4 để chiếm đoạt tổng số tiền 138.000.000 đồng của 11 hụi viên, có 23 phần hụi chưa được lĩnh, gồm:

+ Bùi Yến N, Nguyễn Thị Kim H1, mỗi người 01 phần hụi 6.000.000 đồng;

+ Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị Hồng N5, Lê Nguyên K, Võ Thị Kim C, Võ Thị Cẩm V, mỗi người 02 phần hụi 12.000.000 đồng;

+ Mai Thị L, Đỗ Thị Hồng N1, mỗi người 03 phần hụi 18.000.000 đồng;

+ Nguyễn Thanh T4 05 phần hụi tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Quá trình tổ chức hụi, P đã nhiều lần tự ý lấy tên hụi viên lĩnh các phần hụi để chiếm đoạt tiền. Trong quá trình điều tra, P thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi gây ra.

Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, bị cáo tác động gia đình đã khắc phục một phần số tiền chiếm đoạt cho các hụi viên. Ngoài ra, gia đình tự nguyện nộp số tiền 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Cơ quan điều tra.

Về kê biên tài sản: Phạm Thảo P không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HSST, ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Phạm Thảo P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Phạm Thảo P 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-3-2022 đến ngày 13-10-2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/03/2023 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo với lý do: chồng mới chết, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, nuôi 03 đứa con nhỏ

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, đề nghị phạt bị cáo 03 năm tù; các phần khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, hiện bị cáo phải một mình nuôi các con nhỏ, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, tuyên án ngày 15/02/2023; ngày 01/03/2023 bị cáo có đơn kháng cáo, kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Phạm Thảo P làm chủ các dây hụi để các hụi viên tham gia góp hụi, P hưởng huê hồng khi có người hót hụi. Từ cuối năm 2019, P dùng thủ đoạn gian dối tự ý lấy tên hụi viên không có thật để lĩnh hụi mà các hụi viên không biết nhằm chiếm đoạt tiền để sử dụng tiêu xài cá nhân. Đến tháng 11 năm 2020, P tuyên bố vỡ hụi nhưng còn 07 dây hụi đang hoạt động, tổng số tiền Phương chiếm đoạt là 334.160.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 334.160.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng; bị cáo tự ghi thêm những người tham gia hụi không có thật để chiếm đoạt tài sản của người khác; hành vi này gây bất bình trong xã hội, làm mất niềm tin trong cộng đồng dân cư khi tham gia các giao dịch vay mượn tiền, nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi của bị cáo và cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe và phòng chống tội phạm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; hiện có hoàn cảnh gia đình khó khăn do chồng của bị cáo mới chết, bị cáo một mình phải nuôi 03 con nhỏ. Hơn nữa, bị cáo đã tác động gia đình nộp thêm số tiền 150 triệu đồng để khắc phục hậu quả cho các bị hại, các bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận một phần.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thảo P; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

1.1 Tuyên bố bị cáo Phạm Thảo P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thảo P 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án; khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29-3-2022 đến ngày 13-10-2022.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- Giám đốc kiểm tra (Vụ 1);
- VKSND tỉnh TN;
- Công an TP TN;
- Phòng PV 06;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- TAND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- VKSND TPTN;
- Bị cáo;
- Lưu THS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh